

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 184/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 8 - 2018

*“Về việc xin ly hôn, nuôi con,
chia tài sản và nợ chung”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Tấn Liêm

Ông Bùi Hữu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Vũ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa:

Bà Từ Thanh Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 499/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp “ Xin ly hôn, con chung, chia tài sản và nợ chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2017/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Bích H, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thọ Mai, xã Phú Mỹ, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thị Tường A, xã Hưng Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn C, sinh năm 1945 (Vắng mặt)

2. Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1940 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thị Tường A, xã Hưng Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Phan Mỹ A, sinh năm 1955 (Vắng mặt)

4. Anh Nguyễn Minh Phụng, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thọ Mai, xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

5. Ông Trần Hoàng Â, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Đất Sét, xã Phú Thuận, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

6. Tổ phụ nữ ấp Thọ Mai

Người đại diện: Nguyễn Thị Á – Tổ trưởng tổ phụ nữ (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thọ Mai, xã Phú Mỹ, huyện Phú T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Bích H trình bày như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn ngày 13 tháng 11 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T không lo lắng gia đình và đánh đập chị, gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có con chung là Lê Anh T, sinh ngày 12.7.2014. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Ngày 20.02.2014 vợ chồng nhờ mẹ ruột chị là bà A chơi hội 500.000 đồng/tháng, đến khi mãn số tiền là 12.000.000 đồng, dùng mua các dụng cụ rửa xe, hiện tài sản do anh T quản lý. Trong ngày cưới, cha mẹ chồng cho 05 chỉ vàng 24k, đến khoảng tháng 9 năm 2014 vợ chồng bán thuê xáng cuộc vườn phần đất của cha mẹ chồng. Nay chị yêu cầu anh T và cha mẹ chồng là ông C, bà Ng trả lại 05 chỉ vàng 24k và chia đôi số tiền hội mua dụng cụ rửa xe là 12.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị và anh T có nợ chung gồm: Năm 2016 vợ chồng nhờ anh Phụng chơi chung hội 500.000 đồng/tháng do anh A làm chủ hội, có 27 chung. Đến tháng 02 năm 2017 nhờ anh Phụng hốt số tiền hội là 9.000.000 đồng, dùng cất quán, mua tủ và làm dụng cụ hốt tóc. Sau khi hốt đến khi mãn số tiền phải đóng hội là 7.500.000 đồng.

Năm 2016 vợ chồng nhờ mẹ ruột bà Ai chơi hội 1.000.000 đồng của Tổ phụ nữ ấp Thọ Mai. Đến ngày 20.9.2017 hốt hội số tiền là 26.000.000 đồng, dùng lót nền nhà cha mẹ chồng là 20.000.000 đồng và cải tạo vuông, thả tôm 6.000.000 đồng. Sau khi hốt hội, số tiền hội còn phải đóng là 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội vợ chồng còn phải đóng hội lại là 22.500.000 đồng. Sau khi ly hôn, yêu cầu anh T và cha mẹ chồng là ông C, bà Ng trả tiền hội là 22.500.000 đồng cho bà Á và anh A.

- Tại các lời khai và tại phiên tòa anh Lê Văn T trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Hạnh kết hôn ngày 13 tháng 11 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Vợ chồng có mâu thuẫn, không thể hàn gắn nên anh đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Anh và chị H có con chung là Lê Anh T, sinh ngày 12.7.2014, hiện đang sống với chị H. Sau khi ly hôn, anh yêu cầu nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Nếu Tòa án giao con cho chị H nuôi thì anh đồng ý nhưng không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị H không có tài sản chung.

Chị Hạnh có chơi hội bên gia đình chị H nhưng không biết chủ hội, tiền đóng hội là tiền chung, đóng hội đến khi mãn số tiền là 12.000.000 đồng, để mua 20 cái lú đặt dưới sông và chi tiêu trong gia đình, hiện lú đã hư hỏng hoàn toàn.

Anh không biết việc chị H nhờ bà Ai chơi hội 500.000 đồng/tháng. Chị H cho rằng dùng số tiền hội mua máy bơm nước và các dụng cụ rửa xe là không đúng. Các tài sản này anh mua trước khi cưới chị Hạnh nhưng mua năm nào không nhớ, hiện vẫn còn trong gia đình.

Trong ngày cưới, cha mẹ cho 05 chỉ vàng 24k, đến khoảng tháng 9 năm 2014 vợ chồng bán hết 05 chỉ vàng 24k để thuê xáng cuốc vườn để làm vuông.

Anh không đồng ý chia cho chị H số vàng là 05 chỉ vàng 24k và tiền hội mua dụng cụ rửa xe là 12.000.000 đồng.

Về nợ chung: Năm 2016 vợ chồng có nhờ anh Ph chơi 02 chung hội 500.000 đồng/tháng có 27 chung do anh Ân làm chủ hội. Đến tháng 02 năm 2017 vợ chồng đã nhờ anh Ph hốt 01 chung hội được số tiền là 9.000.000 đồng dùng để cất quán, mua tủ và làm dụng cụ hốt tóc, sau khi hốt còn thiếu không biết bao nhiêu. Riêng chung hội sống chị H đang tự đóng hội. Do hiện còn 01 chung hội sống chị H đang chơi nên không đồng ý trả lại tiền hội chết.

Ngoài ra, năm 2016 vợ chồng không nhờ bà Ai chơi 01 chung hội 1.000.000 đồng của Tổ phụ nữ ấp Thọ Mai. Anh không sử dụng tiền hội lót nền nhà cha mẹ là 20.000.000 đồng và 6.000.000 đồng cải tạo vuông, thả vuông tôm. Anh không đồng ý trả tiền hội là 15.000.000 đồng.

- Theo anh Nguyễn Minh Ph trình bày: Năm 2016 anh có chơi dùm vợ chồng chị H hội 500.000 đồng/tháng, có 27 chung do anh Ân làm chủ hội. Đến tháng 02 năm 2017 vợ chồng H nhờ anh hốt hội số tiền là 9.000.000 đồng, số tiền còn lại phải đóng hội là 7.500.000 đồng do chị Hạnh đang tự đóng cho anh Ân cho đến nay. Tổng số anh chơi hội của anh là 03 chung, trong đó của anh 02 chung và chơi dùm chị Hạnh 01 chung. Việc tranh chấp chị H và anh T, anh không có ý kiến và không có yêu cầu gì.

- Theo bà Nguyễn Thị Á trình bày: Tổ phụ nữ ấp Thọ Mai có tổ chức hùn vốn do bà là Tổ trưởng để giải quyết khó khăn cho chị em phụ nữ, mở ngày 20.02.2016 đây hui là 1.000.000 đồng/tháng, hàng tháng luân phiên hốt hui. Chị H hỏi chơi hui nhưng do chị H có chồng xa nên bà A đứng tên chơi 01 chung hui. Hàng tháng bà A đóng hui, đến tháng 8 năm 2017 thì hốt hui và bà giao tiền hui cho bà Ai. Hiện bà A đang trực tiếp đóng hui và còn 15 lần nữa. Việc tranh chấp ly hôn, anh T và chị H thì Tổ phụ nữ ấp Thọ Mai không có ý kiến và không yêu cầu gì.

Riêng chung hui mở ngày 20.02.2014, bà Ai có chơi dùm chị H 01 chung hui 500.000 đồng/tháng, có 32 chung và đã đóng hui xong đến khi mãn hui.

- Theo bà Lê Thị Ng trình bày: Bà không biết việc chị Hạnh chơi hui để mua máy bơm nước, máy rửa xe và các dụng cụ rửa xe nên không đồng ý trả lại số tiền là 6.000.000 đồng.

Trong ngày cưới, bà cho vợ chồng anh T số vàng là 05 chỉ vàng 24k nhưng vợ chồng anh T bán thuê xáng cuộc vườn canh tác chứ bà không chi xài nên không đồng ý trả cho chị Hạnh.

Bà không biết việc năm 2016 vợ chồng H nhờ anh Ph chơi hui 500.000 đồng do anh A làm chủ hui để mua dụng cụ hốt tóc. Bà không biết việc chị H nhờ bà A chơi hui 1.000.000 đồng của Tổ phụ nữ ấp Thọ Mai. Chị H và anh T hốt hui để có lót nền nhà nhưng không biết chơi hui của ai và không biết bao nhiêu tiền do ở chung trong gia đình.

Bà không đồng ý cùng với ông C trả tiền hui là 22.500.000 đồng cho bà Ánh và anh Ân.

- Theo anh Trần Hoàng Á trình bày: Anh là chủ đây hui mở tháng 12 năm 2016, hui 500.000 đồng/tháng, có 27 chung. Anh Ph chơi 03 chung nhưng có chơi dùm ai hay không thì anh không biết. Hiện anh Ph còn 01 chung sống và 02 chung chết, hàng tháng anh Ph đóng hui đến tháng 3 năm 2019 mãn hui. Nay việc tranh chấp giữa chị H và anh T thì anh không có ý kiến và không yêu cầu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật về tố tụng giải quyết vụ án phát biểu việc tiến hành lập hồ sơ vụ án, tiến hành hòa giải các đương sự, triệu tập những người tham gia phiên tòa, tiến hành các hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ việc dân sự đúng theo trình tự quy định của pháp luật.

Áp dụng các quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Bích H và anh Lê Văn T. Tiếp tục giao cháu Lê Anh Tuấn, sinh ngày 12/7/2014 cho chị Nguyễn Bích H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng

nuôi con nên không đặt ra xem xét. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung do chị H rút đơn yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Chị H và anh T kết hôn ngày 13 tháng 11 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Xét nguyên nhân mâu thuẫn, chị H và anh T cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do anh T không lo lắng gia đình và đánh đập chị Hạnh, gia đình hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H và anh T thống nhất ly hôn, xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của chị H và anh T nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị H và anh T.

[2] *Về con chung*: Chị H và anh T có con chung là Lê Anh T, sinh ngày 12.7.2014. Sau khi ly hôn, chị H và anh T cả hai người yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, con hiện nay đang sống với chị H từ năm 2017 cho đến nay đã ổn định về tinh thần, cũng như về tâm lý của cháu, do đó yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị H là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con*: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về tài sản chung*: Chị H yêu cầu anh T và cha mẹ chồng là ông C, bà Ng trả lại 05 chỉ vàng 24k và chia đôi tiền hụi mua dụng cụ rửa xe là 12.000.000 đồng. Phía anh T và ông C, bà Ng không đồng ý yêu cầu của chị Hạnh vì cho rằng đã mua dụng cụ rửa xe trước khi kết hôn và vợ chồng đã chi xài hết số vàng dùng để cải tạo đất canh tác. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu xin rút đơn khởi kiện không yêu cầu chia tài sản chung. Xét thấy việc rút đơn của chị H là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu chia tài sản chung của chị H.

[5] *Về nợ chung*: Chị H cho rằng năm 2016 vợ chồng chị có nhờ anh Ph vô dùm chân hụi 500.000 đồng/tháng do anh A làm chủ hụi, hốt hụi số tiền là 9.000.000 đồng, dùng mua dụng cụ hốt tóc. Sau khi hốt đến khi mất số tiền phải đóng hụi là 7.500.000 đồng. Năm 2016 (Không nhớ ngày tháng) vợ chồng chị có nhờ anh Ph chơi 02 chung hụi 500.000 đồng/tháng có 27 chung do anh A làm chủ hụi. Đến tháng 02 năm 2017 vợ chồng đã nhờ anh Ph hốt 01 chung hụi được số tiền là 9.000.000 đồng dùng để cất quán, mua tủ và làm dụng cụ hốt tóc, sau khi

hết còn thiếu không biết bao nhiêu. Riêng chung hội sống chị H đang tự đóng hội. Do hiện còn 01 chung hội sống chị Hạnh đang chơi nên không đồng ý trả lại tiền hội chết.

Trong năm 2016 (Không nhớ thời gian cụ thể) vợ chồng chị có nhờ mẹ ruột chị là bà A vô dùm chân hội 1.000.000 đồng của Tổ phụ nữ ấp Thọ Mai. Đến ngày 20.9.2017 hết hội số tiền là 26.000.000 đồng, dùng lót nền nhà cha mẹ chồng là 20.000.000 đồng và 6.000.000 đồng cải tạo vuông, thả tôm. Sau khi hết hội, số tiền hội còn phải đóng là 15.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội vợ chồng còn thiếu là 22.500.000 đồng. Sau khi ly hôn, yêu cầu anh T và cha mẹ chồng là ông C, bà Ng trả tiền hội là 22.500.000 đồng cho bà Á và anh Á.

Tại phiên tòa, chị H yêu cầu xin rút đơn khởi kiện không yêu cầu chia tiền nợ chung. Xét thấy việc rút đơn của chị H là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nợ chung của chị H.

[6] *Về án phí*: Buộc chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 238, 244, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 09, 55, 59, 81 và 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] *Về hôn nhân*: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Nguyễn Bích H và anh Lê Văn T.

[2] *Về con chung*: Tiếp tục giao cháu Lê Anh T, sinh ngày 12/7/2014 cho chị Nguyễn Bích H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị Nguyễn Bích H về việc yêu cầu chia tài sản chung, chia nợ chung.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị H phải chịu số tiền là 150.000 đồng. Chị H có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004055 ngày 21/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị H được nhận lại 150.000 đồng.

Anh T phải chịu án phí số tiền là 150.000 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, những người có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với những người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Hưng Mỹ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính